ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ KIM TÂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13 /PA-UBND	*Kim Tân, ngày 26 tháng 10 năm 2026*

PHƯƠNG ÁN
Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người dân trên địa bàn xã Kim Tân năm 2026

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BYT ngày 30/6/2026 của Bộ Y tế;

Căn cứ Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 23/6/2026 của UBND tỉnh về tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3449/QĐ-UBND ngày 16/10/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung có mục tiêu kinh phí khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân năm 2026;

Căn cứ Công văn số 10578/SYT-NVYD ngày 19/10/2026 của Sở Y tế về việc khẩn trương triển khai thực hiện khám sức khỏe định kỳ sử dụng nguồn ngân sách nhà nước theo Quyết định số 3449/QĐ-UBND;

Căn cứ Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2026 của UBND xã Kim Tân về việc Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn xã Kim Tân năm 2026;

UBND xã Kim Tân xây dựng Phương án tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người dân trên địa bàn xã năm 2026 như sau.

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Khám sức khỏe định kỳ cho người dân thuộc diện được hỗ trợ bằng ngân sách nhà nước, ưu tiên người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, người có công với cách mạng.

- Phát hiện sớm bệnh tật để tư vấn, điều trị kịp thời; từng bước lập hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân.

- Sử dụng đúng mục đích, hiệu quả kinh phí tỉnh bổ sung có mục tiêu cho xã theo Quyết định số 3449/QĐ-UBND.

2. Yêu cầu

- Đúng đối tượng; mỗi người chỉ được khám, thanh toán một lần; không trùng với người đã khám trong năm 2026 hoặc đã được chi trả từ quỹ bảo hiểm y tế, nguồn kinh phí khác.

- Khám đủ nội dung theo Thông tư số 25/2026/TT-BYT; 100% kết quả được cập nhật lên Cổng dữ liệu sức khỏe của Bộ Y tế.

- Tổ chức khám thuận lợi nhất cho người dân: khám lưu động tại xã, tại thôn; khám tại nhà đối với người không tự đi lại được.

- Bắt đầu khám từ ngày 15/11/2026; hoàn thành khám, nghiệm thu, thanh toán trước ngày 20/12/2026.

II. Đối tượng, số lượng

1. Đối tượng và thứ tự khám

Khám hết ba nhóm ưu tiên trước. Sau khi dự trù đủ kinh phí cho ba nhóm này, nếu dự toán còn thì khám tiếp các nhóm bổ sung theo đúng thứ tự.

Thứ tự	Nhóm đối tượng	Nguồn danh sách	Đưa vào phương án
1	Người khuyết tật	Danh sách hưởng trợ cấp xã hội (Phòng Văn hóa – Xã hội)	474
2	Người thuộc hộ nghèo	Danh sách hộ nghèo năm 2026	31
3	Người có công với cách mạng	Danh sách người có công đang quản lý	303
4	Người cao tuổi	Danh sách người cao tuổi theo thôn	2663
5	Người thuộc hộ cận nghèo	Danh sách hộ cận nghèo năm 2026	408
6	Người sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		6.466
	Tổng cộng		**10.345**

2. Nguyên tắc lập danh sách

- Lập danh sách đến từng người: họ tên, năm sinh, số định danh cá nhân, mã thẻ bảo hiểm y tế (nếu có), thôn, nhóm đối tượng.

- Một người thuộc nhiều nhóm chỉ tổng hợp một lần, xếp vào nhóm có thứ tự ưu tiên cao nhất.

- Đối chiếu với dữ liệu khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tại bảo hiểm xã hội cơ sở, dữ liệu khám sức khỏe đã thực hiện trong năm 2026 tại các cơ sở y tế trên địa bàn; loại người đã khám trùng nội dung.

- Chủ tịch UBND xã phê duyệt danh sách trước khi khám. UBND xã chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, không trùng lặp của danh sách.

III. Nội dung khám và yêu cầu chuyên môn đối với cơ sở khám

Nội dung khám thực hiện theo khoản 3 Điều 2 Thông tư số 25/2026/TT-BYT và Công văn số 5008/BYT-KCB ngày 06/7/2026 của Bộ Y tế. Cơ sở khám phải

thực hiện được toàn bộ nội dung tại khoản 1, 2, 3 dưới đây; đây là căn cứ bắt buộc để lựa chọn cơ sở khám.

1. Hồ sơ, mẫu giấy khám theo độ tuổi

Nhóm tuổi	Mẫu giấy khám (Phụ lục XXIV, Thông tư 25/2026/TT-BYT)
Trẻ em dưới 06 tuổi	Mẫu số 01: nội dung chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế cho trẻ dưới 06 tuổi
Từ đủ 06 tuổi đến dưới 18 tuổi	Mẫu số 02
Từ đủ 18 tuổi trở lên	Mẫu số 03

2. Nội dung khám bắt buộc

Phần khám	Người từ đủ 18 tuổi trở lên (Mẫu số 03)	Người từ đủ 06 đến dưới 18 tuổi (Mẫu số 02)
Khám thể lực	Chiều cao, cân nặng, chỉ số BMI, mạch, huyết áp	Chiều cao, cân nặng, chỉ số BMI, mạch, huyết áp
Khám lâm sàng	Nội khoa (tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận – tiết niệu – sinh dục, nội tiết, cơ – xương – khớp, thần kinh, tâm thần); Ngoại khoa; Da liễu; Sản phụ khoa; Mắt; Tai – Mũi – Họng; Răng – Hàm – Mặt	Nhi khoa (tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận – tiết niệu – sinh dục, thần kinh, tâm thần, khám lâm sàng khác); Mắt; Tai – Mũi – Họng; Răng – Hàm – Mặt
Khám cận lâm sàng	Thực hiện khi có chỉ định của bác sĩ khám	Thực hiện khi có chỉ định của bác sĩ khám
Kết luận	Bác sĩ kết luận, phân loại sức khỏe, tư vấn	Bác sĩ kết luận, tư vấn

3. Cận lâm sàng theo chỉ định

- Khám sức khỏe định kỳ không áp dụng một gói xét nghiệm chung cho mọi người; cận lâm sàng chỉ thực hiện khi bác sĩ khám chỉ định, ghi rõ trên giấy khám.

- Cơ sở khám báo rõ khả năng thực hiện tại điểm khám lưu động (hoặc lấy mẫu chuyển về cơ sở) các cận lâm sàng thường được chỉ định: công thức máu, đường huyết, nước tiểu, chức năng gan, chức năng thận, điện tim, siêu âm, X-quang tim phổi.

- Xét nghiệm phải bảo đảm quy định về quản lý chất lượng xét nghiệm; mẫu lấy tại xã phải được bảo quản, vận chuyển đúng quy định.

4. Yêu cầu đối với cơ sở khám (tiêu chí lựa chọn)

TT	Yêu cầu	Mức độ
1	Đã được tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện khám sức khỏe	Bắt buộc
2	Có đủ người hành nghề các chuyên khoa: nội, ngoại, nhi, sản phụ khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, da liễu; có bác sĩ kết luận	Bắt buộc
3	Thực hiện đủ nội dung khoản 2 và các cận lâm sàng theo chỉ định tại khoản 3	Bắt buộc
4	Sử dụng đúng Mẫu số 01, 02, 03; trả giấy khám, kết quả cho người dân trong …… ngày	Bắt buộc
5	Cập nhật 100% kết quả lên Cổng dữ liệu sức khỏe của Bộ Y tế ngay sau mỗi đợt khám	Bắt buộc
6	Năng lực khám tối thiểu …… người/ngày, hoàn thành danh sách trước 20/11/2026	Bắt buộc
7	Tư vấn, chuyển khám chuyên khoa hoặc chuyển cơ sở điều trị khi phát hiện bệnh lý	Bắt buộc
8	Báo giá tách riêng: đơn giá khám thể lực, lâm sàng, kết luận (theo mẫu) và đơn giá từng dịch vụ cận lâm sàng; không vượt giá dịch vụ theo quy định	Bắt buộc
9	Tổ chức khám lưu động tại Trạm Y tế, nhà văn hóa thôn; có buồng khám sản phụ khoa kín đáo tại điểm khám	Ưu tiên
10	Khám tại nhà cho người khuyết tật nặng, người không tự đi lại được	Ưu tiên

Thanh toán phần cận lâm sàng theo số dịch vụ thực tế có chỉ định của bác sĩ; giấy khám là chứng từ đối chiếu khi nghiệm thu.

IV. Cơ sở thực hiện khám

1. Điều kiện cơ sở khám

Cơ sở khám phải đáp ứng toàn bộ các yêu cầu bắt buộc tại khoản 4 Mục III của Phương án này.

2. Hình thức lựa chọn

- Một gói thầu duy nhất: "Dịch vụ khám sức khỏe định kỳ cho người dân xã Kim Tân năm 2026". Giá gói thầu không vượt 370.230.000 đồng.

- Hình thức: lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt áp dụng quy định tại khoản 5, Điều 7, Nghị định số 349/2026/NĐ-CP.

- Loại hợp đồng: theo đơn giá cố định; thanh toán theo số người thực khám nhân đơn giá.

- Trường hợp một cơ sở không đủ năng lực khám kịp tiến độ, gói thầu được chia thành các phần theo cụm thôn, mỗi phần giao một cơ sở.

3. Căn cứ lựa chọn

UBND xã đề nghị các cơ sở đủ điều kiện báo giá và đề xuất phương án khám; so sánh theo các tiêu chí: điều kiện khám, đủ nội dung chuyên môn, khả năng khám lưu động, năng lực khám mỗi ngày, khám tại nhà, đơn giá, cam kết cập nhật dữ liệu. Cơ sở được lựa chọn.

V. Thời gian, địa điểm, hình thức tổ chức khám

1. Thời gian: bắt đầu từ ngày 15/11/2026; hoàn thành khám trước ngày 20/11/2026, dành tháng 12 để khám bổ sung người vắng mặt, nghiệm thu, thanh toán.

2. Hình thức, địa điểm

- Khám lưu động cuốn chiếu theo cụm thôn, tại Trạm Y tế xã và nhà văn hóa thôn.

- Khám tại nhà đối với người khuyết tật nặng, người cao tuổi không tự đi lại được (thôn lập danh sách riêng).

- Người vắng mặt trong đợt khám của thôn được bố trí khám bù vào đợt cuối tại Trạm Y tế xã.

3. Lịch khám dự kiến (thống nhất với cơ sở khám trước khi thông báo)

Đợt	Ngày khám	Thôn	Địa điểm	Số người dự kiến
1	15/11/2026			
2				
3				
4				
Khám bù		Các thôn	Trạm Y tế xã	

4. Thông báo: lịch khám được thông báo trên hệ thống truyền thanh xã, thôn và qua trưởng thôn trước ngày khám ít nhất 02 ngày; người dân mang theo căn cước và thẻ bảo hiểm y tế (nếu có).

VI. Kinh phí

1. Nguồn kinh phí: 370.230.000 đồng *(ba trăm bảy mươi triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng)*, ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho xã theo Quyết định số 3449/QĐ-UBND ngày 16/10/2026; giao Phòng Văn hóa – Xã hội là đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí.

2. Dự toán

Nội dung	Số người	Đơn giá (đồng/người)	Thành tiền (đồng)
Khám người từ 18 tuổi trở lên			
Khám trẻ em từ 06 đến dưới 18 tuổi			
Khám trẻ em dưới 06 tuổi			
Tổng cộng			**≤ 370.230.000**

Đơn giá theo báo giá của cơ sở khám được lựa chọn, không vượt giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

3. Quản lý, thanh quyết toán

- Chỉ thanh toán cho người có tên trong danh sách được phê duyệt, có ký nhận khám và kết quả đã cập nhật lên Cổng dữ liệu sức khỏe.
- Hồ sơ thanh toán: hợp đồng, danh sách thực khám có ký nhận, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.
- Kinh phí không sử dụng hết hoặc chi không đúng quy định nộp trả ngân sách nhà nước.

VII. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Văn hóa – Xã hội (cơ quan thường trực, đơn vị được giao kinh phí)

- Chủ trì rà soát, lập danh sách đối tượng theo Mục II; lọc trùng; trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt. Chủ trì thực hiện thủ tục lựa chọn cơ sở khám theo Mục IV; ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; thanh toán, quyết toán kinh phí; nộp trả phần kinh phí không sử dụng hết.
- Chủ trì theo dõi, đôn đốc; tổng hợp báo cáo hằng tuần gửi Sở Y tế (qua Phòng Nghiệp vụ Y – Dược) theo biểu mẫu kèm Công văn của Sở Y tế.

2. Các Trạm Y tế xã

- Phối hợp đối chiếu dữ liệu khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, dữ liệu khám sức khỏe đã thực hiện năm 2026.
- Phối hợp với cơ sở khám bố trí địa điểm, hướng dẫn người dân; giám sát chuyên môn tại các điểm khám.
- Theo dõi, quản lý người có kết quả bất thường sau khám.

3. Phòng Kinh tế (bộ phận tài chính – kế toán)

- Tham mưu Chủ tịch UBND xã quyết định giao dự toán cho Phòng Văn hóa – Xã hội.
- Hướng dẫn, kiểm tra Phòng Văn hóa – Xã hội trong lựa chọn cơ sở khám, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí đúng quy định.

4. Văn phòng HĐND và UBND

Thông báo lịch khám trên hệ thống truyền thanh, trang thông tin của xã; tổng hợp kết quả báo cáo Chủ tịch UBND xã.

5. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị – xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động người dân tham gia khám; giám sát việc thực hiện.

6. Trưởng thôn

Rà soát danh sách tại thôn, lập danh sách người cần khám tại nhà; thông báo, vận động người dân đi khám đúng lịch; xác nhận người khám tại thôn.

7. Cơ sở khám (theo hợp đồng): bố trí đủ nhân lực, trang thiết bị, vật tư; khám đủ nội dung; trả kết quả, tư vấn, chuyển tuyến; cập nhật kết quả lên Cổng dữ liệu sức khỏe; cung cấp số liệu cho xã để báo cáo hằng tuần.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các bộ phận báo cáo Chủ tịch UBND xã (qua Phòng Văn hóa – Xã hội) để kịp thời chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Trưởng các thôn;
- Lưu: VT, VHXH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ KIM TÂN T.THANH HÓA

Bùi Thị Phúc

PHỤ LỤC 1. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

TT	Công việc	Thời hạn	Chủ trì	Văn bản/kết quả
1	Ban hành Phương án; quyết định giao dự toán	26/10/2026	Phòng VHXH, Phòng Kinh tế	Phương án; QĐ giao dự toán
2	Rà soát, lọc trùng, phê duyệt danh sách đối tượng	26/10/2026	Phòng VHXH, Trạm Y tế, trưởng thôn	QĐ phê duyệt danh sách
3	Nhận báo giá ; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	30/10/2026	Phòng VHXH	QĐ phê duyệt KHLCNT
4	Thương thảo, phê duyệt kết quả chỉ định thầu, ký hợp đồng	01/11/2026	Phòng VHXH	QĐ kết quả; hợp đồng
5	Thông báo lịch khám đợt 1	13/11/2026	Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng thôn	Thông báo
6	Khám theo lịch các thôn	15/11 – 20/12/2026	Cơ sở khám, Trạm Y tế	Danh sách ký nhận
7	Báo cáo Sở Y tế	Hằng tuần	Phòng VHXH	Báo cáo theo biểu mẫu
8	Khám bù, nghiệm thu, thanh lý, thanh toán	Trước 20/12/2026	Phòng VHXH	Biên bản nghiệm thu, thanh lý
9	Báo cáo kết quả, quyết toán, nộp trả kinh phí dư	Trước 30/12/2026	Phòng VHXH	Báo cáo tổng kết

PHỤ LỤC 2. MẪU DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Mã thẻ BHYT	Thôn	Nhóm đối tượng	Khám tại nhà (x)	Ngày khám	Ký nhận
1										
2										
3										

PHỤ LỤC 3. YÊU CẦU DỊCH VỤ VÀ MẪU BÁO GIÁ GỬI CÁC CƠ SỞ KHÁM

(Gửi kèm văn bản đề nghị báo giá; cơ sở khám căn cứ phụ lục này để lập báo giá)

1. Thông tin chung

Nội dung	Yêu cầu
Tên dịch vụ	Khám sức khỏe định kỳ cho người dân xã Kim Tân năm 2026
Đơn vị đề nghị báo giá	UBND xã Kim Tân (Phòng Văn hóa – Xã hội)
Nguồn kinh phí	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu theo Quyết định số 3449/QĐ-UBND ngày 16/10/2026
Giá trị tối đa	370.230.000 đồng (đã bao gồm thuế, phí nếu có)
Thời gian khám	Từ 15/11/2026 đến 20/12/2026
Địa điểm	Khám lưu động tại Trạm Y tế xã và nhà văn hóa các thôn; khám tại nhà cho người không tự đi lại được
Hình thức thanh toán	Theo số người thực khám và số dịch vụ cận lâm sàng thực tế có chỉ định, nhân đơn giá hợp đồng

2. Khối lượng dự kiến (xã điền sau khi chốt danh sách)

Nhóm	Số người dự kiến	Trong đó nữ	Trong đó khám tại nhà
Từ đủ 18 tuổi trở lên			
Từ đủ 06 đến dưới 18 tuổi			
Dưới 06 tuổi			
Tổng cộng			

Số điểm khám dự kiến: …… điểm; số ngày khám dự kiến: …… ngày.

3. Yêu cầu tổ chức tại mỗi điểm khám

Bàn khám	Nội dung	Nhân lực tối thiểu
Tiếp đón	Đối chiếu danh sách, căn cước; ký nhận	Nhân viên hành chính
Thể lực	Chiều cao, cân nặng, BMI, mạch, huyết áp	Điều dưỡng
Nội khoa	Khám nội khoa theo mẫu	Bác sĩ
Ngoại khoa – Da liễu	Khám ngoại khoa, da liễu	Bác sĩ
Sản phụ khoa	Khám sản phụ khoa (buồng khám kín, riêng biệt)	Bác sĩ hoặc hộ sinh theo phạm vi hành nghề
Mắt; Tai – Mũi – Họng; Răng – Hàm – Mặt	Khám chuyên khoa theo mẫu	Bác sĩ (hoặc người hành nghề) đúng phạm vi

Bàn khám	Nội dung	Nhân lực tối thiểu
Nhi khoa	Khám trẻ dưới 18 tuổi theo Mẫu số 01, 02	Bác sĩ
Cận lâm sàng	Lấy mẫu, thực hiện kỹ thuật theo chỉ định	Kỹ thuật viên
Kết luận	Kết luận, phân loại sức khỏe, tư vấn, chuyển tuyến	Bác sĩ

Cơ sở tự bảo đảm phương tiện, trang thiết bị, thuốc, vật tư, biểu mẫu; xã bố trí địa điểm, bàn ghế, điện, nước.

4. Mẫu bảng báo giá

Phần A. Khám theo mẫu (thể lực, lâm sàng, kết luận) — đơn giá trọn gói cho một người

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Căn cứ giá
A1	Khám người từ đủ 18 tuổi trở lên (Mẫu số 03)	Người				
A2	Khám người từ đủ 06 đến dưới 18 tuổi (Mẫu số 02)	Người				
A3	Khám trẻ em dưới 06 tuổi (Mẫu số 01)	Người				

Phần B. Cận lâm sàng theo chỉ định của bác sĩ — đơn giá từng dịch vụ

TT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Tỷ lệ chỉ định dự kiến (%)	Số lượng dự kiến	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thực hiện tại điểm khám (có/không)
B1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	Lần					
B2	Định lượng glucose máu	Lần					
B3	Tổng phân tích nước tiểu	Lần					
B4	Định lượng ure, creatinin máu	Lần					
B5	Đo hoạt độ AST, ALT	Lần					
B6	Điện tim thường	Lần					

TT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Tỷ lệ chỉ định dự kiến (%)	Số lượng dự kiến	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thực hiện tại điểm khám (có/không)
B7	Siêu âm ổ bụng tổng quát	Lần					
B8	Chụp X-quang ngực thẳng	Lần					
B9	Dịch vụ khác (cơ sở đề xuất, ghi rõ)	Lần					

Phần C. Tổng hợp

Nội dung	Thành tiền (đồng)
Tổng Phần A	
Tổng Phần B (dự kiến)	
Tổng cộng (không vượt 370.230.000)	

5. Yêu cầu khi lập báo giá

- Đơn giá đã bao gồm toàn bộ chi phí: nhân công, di chuyển, vật tư, hóa chất, in giấy khám, cập nhật dữ liệu, thuế (nếu có); không thu thêm của người dân. Nếu khám tại nhà có phụ phí, ghi rõ mức và căn cứ.

- Đơn giá không vượt giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp có thẩm quyền quy định hoặc giá cơ sở đã niêm yết; ghi rõ căn cứ ở cột "Căn cứ giá".

- Tỷ lệ chỉ định cận lâm sàng do cơ sở đề xuất theo kinh nghiệm chuyên môn, chỉ dùng để dự trù; thanh toán theo thực tế.

- Báo giá có hiệu lực ít nhất đến hết ngày 31/12/2026.

6. Hồ sơ gửi kèm báo giá

1. Bản sao văn bản tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện khám sức khỏe; giấy phép hoạt động, phạm vi chuyên môn.

2. Danh sách nhân lực dự kiến: họ tên, chuyên khoa, số giấy phép hành nghề.

3. Danh mục trang thiết bị mang theo khám lưu động.

4. Phương án tổ chức khám: số bàn khám, năng lực khám mỗi ngày, ngày bắt đầu khám sớm nhất, thời hạn trả kết quả.

5. Cam kết cập nhật 100% kết quả lên Cổng dữ liệu sức khỏe; tư vấn, chuyển tuyến khi phát hiện bệnh lý.

7. Thời hạn, nơi nhận

Trước 17 giờ 00 ngày 30/10/2026, tại Phòng Văn hóa – Xã hội, UBND xã Kim Tân; người liên hệ: Khổng Tiến Dũng, điện thoại: 0979476817.